TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Khương và bà Nguyễn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSND huyện Thường Tín tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2022/TLST-DS ngày 21/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐST-KDTM ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Thương mại Quốc tế N

Địa chỉ: phường C, quận H, thành phố Hải Phòng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Công T – Giám đốc công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật hợp danh I

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật hợp danh I: Ông Vũ Văn Th – Giám đốc. Người nhận ủy quyền của Công ty Luật hợp danh I: Bà Phạm Thị H1 và bà Trần Thị Ngọc A (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: đường Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân H – Giám đốc công ty.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2019, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế N (sau đây gọi là Công ty N) và Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) ký Hợp đồng nguyên tắc số 01-2019 NT/HĐNT với nội dung Công ty N cung cấp cho Công ty Đ vật tư, phụ kiện cửa Newtech được sản xuất tại Việt Nam, nước ngoài, hàng được bảo quản, đóng gói trong túi, hộp tùy theo từng loại sản phẩm phù hợp; chủng loại, quy cách, số lượng, đơn giá sản phẩm được thống nhất theo từng thời điểm báo giá và đơn đặt hàng.

Dựa trên Hợp đồng nguyên tắc, Công ty N và Công ty Đ đã thực hiện việc đặt hàng, giao nhận hàng hóa và thanh toán được một phần giá trị hàng hóa. Ngày 27/12/2019, Công ty N và Công ty Đ đã ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ số 2019/2712 với nội dung đối chiếu số liệu đến ngày 27/12/2019 Công ty Đ còn nợ Công ty N tiền vật tư là 336.273.200 đồng.

Ngày 22/01/2020, Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty N số tiền 30.000.000 đồng. Đối trừ vào khoản nợ, Công ty Đ còn nợ Công ty N số tiền hàng chưa thanh toán là 306.273.200 đồng theo Sổ chi tiết công nợ phải thu từ ngày 01/12/2017 đến 15/01/2022 của Công ty Đ đối với Công ty N.

Từ thời điểm ngày 22/01/2020, Công ty Đ không thực hiện thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào mặc dù Công ty N đã nhiều lần nhắc nhở và gửi công văn đề nghị thanh toán.

Tại đơn khởi kiện, Công ty N yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là 302.273.200 đồng và số tiền lãi do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả tạm tính đến hết ngày 01/3/2023 là 78.695.011 đồng. Trong đó, thời gian chậm trả được tính từ thời điểm chốt công nợ cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán là 03 năm 02 tháng 02 ngày, lãi suất chậm trả tính theo mức lãi suất tiền gửi của Ngân hàng TMCP AC tại thời điểm chậm trả có kỳ hạn tương ứng với thời gian chậm trả là 8,1%/năm. Tiếp tục tính lãi chậm trả cho đến khi Công ty Đ thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty N trình bày: Ngày 27/12/2019 hai bên làm biên bản đối chiếu xác nhận công nợ nên xác định ngày này là thời điểm chậm trả. Cũng vì vậy xác định lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP AC - Chi nhánh HP, là ngân hàng nguyên đơn mở tài khoản, tại thời điểm chậm trả là 0,3%/năm, do đó yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 0,3%/năm. Tính đến ngày xét xử nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 309.624.875 đồng bao gồm các khoản tiền sau:

- Số tiền hàng chậm trả: 306.273.200 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả từ ngày 27/12/2019 đến ngày 21/01/2020 (25 ngày) là: 336.273.200 đồng x 25 ngày x 0,3%/năm = 69.097 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả từ ngày 22/01/2020 đến ngày 18/8/2023 (1304 ngày) là: 306.273.200 đồng x 1304 ngày x 0,3%/năm = 3.282.577 đồng.

Kể từ ngày 19/8/2023, Công ty Đ còn phải tiếp tục chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền hàng chậm trả với lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa để giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty N nhưng Công ty Đ không đến làm việc, không trình bày ý kiến, việc hòa giải không tiến hành được.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đưa ra quan điểm: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, nhưng đã vi phạm thời hạn giải quyết vụ án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua các chứng cứ, đủ cơ sở để khẳng định, Công ty Đ và Công ty N có ký Hợp đồng nguyên tắc số 01-2019 NT/HĐNT ngày 02/01/2019 với nội dung cung ứng vật tư, phụ kiện cửa N, số lượng, đơn giá được thống nhất theo từng thời điểm báo giá và đặt đơn hàng. Về bản chất, hợp đồng nguyên tắc nêu trên là hợp đồng mua bán hàng hóa giữa bên mua là Công ty Đ và bên bán là Công ty N. Thực tế giữa Công ty N và Công ty Đ đã diễn ra việc mua bán hàng hóa, thanh toán tiền hàng và nợ tiền hàng thể hiện qua việc hai bên đã ký với nhau Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ số 2019/2712 ngày 27/12/2019, xác nhận Công ty Đ còn nợ Công ty N số tiền vật tư tính đến ngày 27/12/2019 là 336.273.200 đồng.

[3] Về số tiền mua chậm trả: Tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 27/12/2019, hai công ty xác nhận số tiền nợ vật tư là 336.273.200 đồng, đồng thời Công ty N yêu cầu Công ty Đ có kế hoạch thanh toán công nợ. Vì vậy, số tiền chậm trả được xác định là 336.273.200 đồng, thời gian chậm trả được tính từ ngày 27/12/2019 cho đến khi Công ty Đ thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán. Ngày 22/01/2020, Công ty Đ đã thanh toán trả Công ty N số tiền 30.000.000 đồng nên số tiền chậm trả còn lại là 306.273.200 đồng.

[4] Về lãi suất chậm trả, tại Điều 3 Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty N và Công ty Đ có thỏa thuận: *"Số tiền chậm trả ngoài thời gian đã quy định, phải chịu lãi theo mức lãi suất tiền gửi của ngân hàng bên A tại thời điểm chậm"* Tại các Hóa đơn mua bán hàng hóa giữa Công ty N và Công ty Đ đều thể hiện Công ty N có tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP AC – chi nhánh HP. Do đó, lãi suất chậm trả được xác định theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hảng TMCP AC tại thời điểm chậm trả là ngày 27/12/2019 bằng 0,3%/năm.

[5] Như vậy, Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty N số tiền tính đến ngày 18/8/2023 là 309.624.875 đồng bao gồm các khoản tiền sau:

- Số tiền hàng chậm trả: 306.273.200 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả từ ngày 27/12/2019 đến ngày 21/01/2020 (25 ngày) là: 336.273.200 đồng x 25 ngày x 0,3%/năm = 69.097 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả từ ngày 22/01/2020 đến ngày 18/8/2023 (1304 ngày) là: 306.273.200 đồng x 1304 ngày x 0,3%/năm = 3.282.577 đồng.

Kể từ ngày 19/8/2023, Công ty Đ còn phải tiếp tục chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền hàng chậm trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

[6] Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.575.649 đồng nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 16/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 30, 35, 39, 147, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế N số tiền tính đến ngày 18/8/2023 là 309.624.875 đồng, bao gồm các khoản tiền sau:

- Số tiền hàng chậm trả: 306.273.200 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả từ ngày 27/12/2019 đến ngày 21/01/2020 (25 ngày) là: 336.273.200 đồng x 25 ngày x 0,3%/năm = 69.097 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả từ ngày 22/01/2020 đến ngày 18/8/2023 (1304 ngày) là: 306.273.200 đồng x 1304 ngày x 0,3%/năm = 3.282.577 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ còn phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế N khoản tiền lãi của số tiền chậm trả, còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Công ty cổ phần Đ phải nộp 15.481.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH Thương mại Quốc tế N được trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.575.649 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0023116 ngày 16/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- Chi cục THA dân sự huyện Thường Tín;
- Lưu hồ sơ, Vp...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn